

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/HC - PT
Ngày: 22/4/2024
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Lê Văn Thường**.
- *Các thẩm phán:* ông **Phạm Việt Cường** và ông **Võ Ngọc Thông**.
- *Thư ký phiên tòa:* ông **Trần Xuân Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 413/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 645/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Phạm S, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên hệ: Văn phòng L, D V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Đặng Ngọc K, Luật sư của Văn phòng L, D V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn C - Phó chủ tịch. Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm K1, sinh năm 1973; địa chỉ: 4 ấp Đ, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: B L, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bà Đào Thị Thanh T, sinh năm 1974; địa chỉ: 4 ấp Đ, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: B L, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông K1 và bà T: Ông Trần Thanh V, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị V1, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N, bà V1: Ông Phạm S, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/8/2022, Người khởi kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.197m² tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là của cụ Phạm Đ và cụ Đoàn Thị V2 mua lại của cụ Phạm Quánh. Việc mua bán đã được lập thành văn bản viết tay, có điểm chỉ của người mua và người bán vào khoảng tháng 8/1959.

Sau khi mua, vợ chồng cụ Đ, cụ V2 dựng nhà ở và canh tác trên đất, năm 1966 cụ Phạm Đ qua đời, cụ Đoàn Thị V2 tiếp tục ở trên đất đến năm 1993 thì vào N thăm bà con và định cư ở trong đó. Trước khi đi, cụ bà Đoàn Thị V2 có cho ông Phạm V3 (là bố ông Phạm K1) mượn đất để trồng hoa màu. Việc cho mượn đất không lập thành văn bản vì hai bên có mối quan hệ bà con.

Hàng năm, cụ bà Đoàn Thị V2 vẫn về quê để hương khói kỵ giỗ và lấy lợi tức hoa màu trên đất với ông Phạm K1, đến năm 1998 thì cụ bà Đoàn Thị V2 qua đời (cụ Phạm Đ và cụ Đoàn Thị V2 có 03 người con là Phạm Thị N; Phạm Thị V1 và Phạm S).

Đến năm 2022, giữa các con của cụ Đ, cụ V2 có tranh chấp với ông Phạm K1 về quyền sử dụng thửa đất, sau khi khiếu nại tại UBND xã V thì những người con mới biết việc ông Phạm K1 và vợ là Đào Thị Thanh T đã đăng ký kê khai và được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp này. Ông S có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã V và đã được tiến hành hoà giải tại địa phương nhưng không thành.

Vì vậy, ông Phạm S khởi kiện đề nghị Toà án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q776222 theo Quyết định số 00540 QSDĐ/582/QĐ-UB của UBND huyện P đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Phạm K1 và vợ là Đào

Thị Thanh T đối với thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.197m² trong đó 400m² là đất ở, 3.797m² đất nông nghiệp 20 năm từ ngày 15/10/1993 tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vì cấp sai đối tượng, không đúng pháp luật về đất đai.

- *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:*

Sau khi kiểm tra hồ sơ, UBND huyện P xác định theo hồ sơ đăng ký ruộng đất 299, lập năm 1984 tại xã V, thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.100,0m², đất thổ, tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do ông Phạm V3 đứng tên kê khai đăng ký sử dụng.

Theo hồ sơ đo đạc địa chính lập năm 2007 và chỉnh lý 2014 tại xã V: thửa đất thuộc thửa 214, tờ bản đồ 15, diện tích 4.383,4 m² do ông Phạm K1 kê khai đăng ký quản lý và sử dụng.

Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.197,0m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được cấp cho ông Phạm K1, bà Đào Thị Thanh T vào ngày 26/4/2002 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 776222. Thành phần hồ sơ gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất cho ông K1, bà T đăng ký; Biên bản xác định ranh giới thửa đất do ông K1, bà T ký tên chủ sử dụng đất.

Theo kết quả kiểm tra, xác minh: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Theo kết quả làm việc với ông Phạm T1, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 là anh chị em ruột của ông Phạm K1, xác nhận: thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.197,0m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là của cụ ông Phạm V3, cụ bà Phạm Thị Á (là bố mẹ của các ông bà) tạo lập, xây dựng nhà ở và sử dụng ổn định từ trước năm 1965. Đến năm 1992, cụ V3, cụ Á giao quyền sử dụng thửa đất cho ông Phạm K1, bà Đào Thị Thanh T. Đến năm 1994, ông K1, bà T phá dỡ căn nhà cũ và xây dựng lại nhà và sử dụng cho đến nay.

Hiện trạng trên đất có 02 ngôi nhà, 01 nhà do ông Phạm T1 xây dựng có diện tích khoảng 160m² và 01 ngôi nhà cấp 04 do ông Phạm K1 xây dựng, diện tích khoảng 240m².

Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K1, bà T không có tranh chấp.

Ý kiến của UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm S, việc UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q776222 tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.197,0m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho ông K1, bà T là đúng quy định của pháp Luật Đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001; Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 có hiệu lực thi hành tại thời điểm thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và N1 đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Phạm Khuyến s ra, lớn lên tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.197m² tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P; trong hồ sơ cấp đất cũng thể hiện ông Phạm K1 là người sử dụng đất ổn định, lâu dài. Tại thời điểm ông K1 thực hiện kê khai đất đai thửa đất này được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không ai có ý kiến và không xảy ra tranh chấp.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện vì không có cơ sở, bằng chứng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ nội dung Đơn khởi kiện của ông Phạm S về việc: Yêu cầu tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu Q776222 ngày 26/4/2002 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho vợ chồng ông Phạm K1, bà Đào Thị Thanh T đối với thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.197m² tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/11/2023, người khởi kiện ông Phạm S kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu hủy án và chuyển vụ án xét xử theo quy định pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông S và hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Sơn và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo trình bày của Người khởi kiện: Nguồn gốc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.197m² tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là của cụ Phạm Đ (bố ông Phạm S); ông S cung cấp bản gốc 01 giấy mua bán viết tay thửa đất giữa cụ Đ với cụ Phạm Quánh .

Nhưng tài liệu do ông Phạm S cung cấp không có mối quan hệ gì cụ thể liên quan đối với thửa đất giữa người đứng tên trong trích lục địa bộ là ông Phạm B với ông Phạm Đ, bà Đoàn Thị V2 và ông Phạm S cũng như tài liệu khác để xác định các đồng thừa kế của ông B, ông Đ cũng như bản thân ông S để làm căn cứ xác định quyền khởi kiện đối với thửa đất này.

[2] Về quá trình sử dụng đất: Ông Phạm S cho rằng thửa đất ông tranh chấp yêu cầu Hủy giấy chứng nhận nguyên trước đây của bố mẹ ông sử dụng

liên tục từ năm 1975 có 01 ngôi nhà phen, tranh tre nhưng qua xem xét thẩm định tại chỗ thì không có ngôi nhà. Mặt khác, ông cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh sự việc bố, mẹ ông cho ông Phạm V3, bà Phạm Thị Á ở nhờ sử dụng để trồng hoa màu.

[3] Về quá trình đăng ký kê khai: Ông S không cung cấp được tài liệu gì liên quan đến việc bố mẹ ông có đăng ký kê khai, thực hiện nghĩa vụ việc sử dụng thửa đất theo qui định pháp luật về đất đai để chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất ông khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp cho ông Phạm K1, bà Đào Thị Thanh T.

[4] Theo nội dung công văn số 911/UBND-TNMT ngày 26/6/2023, Ủy ban nhân dân huyện P tiến hành thu thập thông tin từ con ruột của ông Phạm V3 (gồm ông Phạm T1, Phạm Thị H, Phạm Thị H1) để xác định nguồn gốc thửa đất:

Các thông tin của thửa đất tranh chấp thể hiện theo hồ sơ đăng ký ruộng đất 299 lập năm 1984 tại UBND xã V: Thửa đất 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.100,0m², đất thổ tọa lạc tại thôn H, xã V do ông Phạm V3 (bố đẻ ông Phạm K1) đứng tên đăng ký kê khai, đăng ký sử dụng.

Theo hồ sơ đo đạc địa chính lập năm 2007 và chỉnh lý năm 2014 tại xã V: thửa đất thuộc thửa 214, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.383,4m², do ông Phạm K1 kê khai đăng ký và sử dụng.

Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q776222 tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4197,0m², tọa lạc tại thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp cho ông Phạm K1, bà Đào Thị Thanh T ký tên sử dụng đất.

Kết quả làm việc với các ông, bà: Phạm Triền, Phạm Thị H, Phạm Thị H1 là những đồng thừa kế của Ông Phạm V3 và bà Phạm Thị Á (là bố mẹ đẻ của ông Phạm K1, Phạm Thị H, P, Phạm Thị H1) đều đã thừa nhận việc bố, mẹ các ông, bà sử dụng thửa đất này từ trước năm 1965, liên tục cho đến năm 1992 đã thỏa thuận giao cho vợ chồng ông Phạm K1 toàn quyền đăng ký, sử dụng.

Mặc dù thông tin của thửa đất có những số liệu không khớp nhau do có sự thay đổi, biến động qua từng thời kỳ thực hiện việc thống kê, quản lý; người đăng ký ban đầu là ông Phạm V3, sau đó đã thỏa thuận giao cho vợ chồng ông Phạm K1, bà Đào Thị Thanh T đăng ký, kê khai sử dụng và không có tranh chấp, không bị khiếu nại gì đối với thửa đất này.

[5] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông S là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông S không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[6] Theo quy định khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phạm S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 1, Điều 49 Luật Đất đai năm 1987; Điều 2, Điều 3, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 100 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Phạm S và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

- Không chấp nhận toàn bộ nội dung Đơn khởi kiện của ông Phạm S về việc: Yêu cầu tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu Q776222 ngày 26/4/2002 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp cho vợ chồng ông Phạm K1, bà Đào Thị Thanh T đối với thửa đất số 317, tờ bản đồ số 08, diện tích 4.197m².

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phạm S phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000213 ngày 22/11/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Lệ phí xem xét thẩm định: Ông Phạm S phải chịu 1.000.000 đồng, đã nộp xong.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Phạm S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông Đặng Ngọc K đã nộp thay theo Biên lai thu tiền số 0000059 ngày 28/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Thường